Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2932.20.10

Mã HS	2932.20.10
Mô tả hàng hóa	Hợp chất dị vòng chỉ chứa (các) dị tố oxy / - Lactones: / - - Coumarin (1,2-Benzopyrone), methylcoumarins và ethylcoumarins
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	11/11/2026 14:46:55
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/29322010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4331
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4331
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4331
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4286
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4247
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4247
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4247
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4247
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4247
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4247
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4285
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4285

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4285
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4285
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4285
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4285
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4289
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4289
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4289
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4289
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4289
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4289
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4289
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4253
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4249
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4249
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4249
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4249
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4249
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4249
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4249
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4249
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4249
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4249
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4249
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4249
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4296
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4296

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4296
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4296
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4296
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4296
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4293
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4293
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4293
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4293
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4293
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4293
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4301
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4301
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4301
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4301
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4301
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4301
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4272
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4272
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4272
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4272
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4272
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4272
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4274
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4274
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4274
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4274

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4274
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4274
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4272
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4272
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4272
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4272
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4272
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4272
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4272
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4293
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4293
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4293
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4293
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4293
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4293
RCEP B	2022	2022	0	B!D4293
RCEP B	2023	2023	0	B!E4293
RCEP B	2024	2024	0	B!F4293
RCEP B	2025	2025	0	B!G4293
RCEP B	2026	2026	0	B!H4293
RCEP B	2027	2027	0	B!I4293
RCEP C	2022	2022	0	C!D4293
RCEP C	2023	2023	0	C!E4293
RCEP C	2024	2024	0	C!F4293
RCEP C	2025	2025	0	C!G4293
RCEP C	2026	2026	0	C!H4293

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4293
RCEP D	2022	2022	0	D!D4293
RCEP D	2023	2023	0	D!E4293
RCEP D	2024	2024	0	D!F4293
RCEP D	2025	2025	0	D!G4293
RCEP D	2026	2026	0	D!H4293
RCEP D	2027	2027	0	D!I4293
RCEP E	2022	2022	0	E!D4296
RCEP E	2023	2023	0	E!E4296
RCEP E	2024	2024	0	E!F4296
RCEP E	2025	2025	0	E!G4296
RCEP E	2026	2026	0	E!H4296
RCEP E	2027	2027	0	E!I4296
RCEP F	2022	2022	0	F!D4293
RCEP F	2023	2023	0	F!E4293
RCEP F	2024	2024	0	F!F4293
RCEP F	2025	2025	0	F!G4293
RCEP F	2026	2026	0	F!H4293
RCEP F	2027	2027	0	F!I4293
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3948
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3948
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3948
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3948

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2932.20 có 2 dòng thuế; dòng 2932.20.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Coumarin (1,2-Benzopyrone), methylcoumarins và ethylcoumarins.	2932.20.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2932.20.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2932.20.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4331), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.